

Số: 929/QĐ-UBND

Lộc Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (thực hiện dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-SGTVT ngày 07/11/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B. Hạng mục: Đoạn từ Km18-Km43;

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt ngày 18/4/2025 tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 18/4/2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 118/TTr-KT ngày 28/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 5.015,5 m² đất của hộ ông Hoàng Văn Tượng, gồm 21 thửa đất (có biểu kèm theo), tại thôn Bản Quang, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Lý do thu hồi đất: Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (thực hiện dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm giao quyết định này cho hộ ông Hoàng Văn Tượng; trường hợp hộ ông Hoàng Văn Tượng không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lộc Bình và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của xã.

3. Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Lộc Bình (Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- CVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, KT_(NLQ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vi Thị Phương Quỳnh

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 929/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của Chủ tịch UBND xã Lộc Bình)

STT	Theo Mảnh trích đo địa chính			Theo Bản đồ địa chính				Loại đất	Ghi chú
	Mảnh trích đo	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Tờ bản đồ cũ	Tờ BĐ chỉnh lý	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)		
1	9-2024	101	100,3	43	361	101	100,3	HNK	Một phần thửa đất
2	9-2024	698	59,4	LN01	416	698	59,4	RSX	Một phần thửa đất
3	9-2024	130	229,6	43	361	106	108,3	RSX	Một phần thửa đất
				43	361	130	121,3	RSX	Một phần thửa đất
4	9-2024	764	1.643,8	LN01	416	764	1.227,2	RSX	Một phần thửa đất
						779	42,0	RSX	Một phần thửa đất
						806	374,6	RSX	Một phần thửa đất
5	10-2024	275	100,0	44	362	275	100,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
6	10-2024	274	71,0	44	362	274	71,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
7	10-2024	304	324,0	44	362	304	324,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
8	10-2024	268	228,0	44	362	268	228,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
9	10-2024	307	56,0	44	362	307	56,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
10	10-2024	308	60,0	44	362	308	60,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
11	10-2024	285	46,0	44	362	285	46,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
12	10-2024	286	43,0	44	362	286	43,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
13	10-2024	288	272,0	44	362	288	272,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
14	10-2024	287	311,0	44	362	287	311,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
15	10-2024	273	80,0	44	362	273	80,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
16	10-2024	276	62,0	44	362	276	62,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
17	9-2024	821	556,6	LN01	416	821	199,6	RSX	Một phần thửa đất
						902	357,0	RSX	Một phần thửa đất

18	10-2024	748	298,0	LN01	416	748	298,0	RSX	Một phần thửa đất
19	10-2024	748	27,8	LN01	416	748	7,5	RSX	Một phần thửa đất
						760	2,7	RSX	Một phần thửa đất
						766	17,6	RSX	Một phần thửa đất
20	10-2024	305	253,0	44	362	305	253,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
21	10-2024	312	194,0	44	362	312	194,0	HNK	Toàn bộ thửa đất